|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH ĐỒNG NAI****–––––––––––––––**Số: /TTr-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****–––––––––––––––––––––––***Đồng Nai, ngày tháng năm 2024* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo**

**Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với giáo viên tại các cơ sở giáo dục công lập; giảng viên tại Trường Chính trị tỉnh và các Trung tâm Chính trị cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với giáo viên tại các cơ sở giáo dục công lập; giảng viên tại Trường Chính trị tỉnh và các Trung tâm Chính trị cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Căn cứ pháp lý**

Tại điểm đ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 đã quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau: *“đ) Quyết định chính sách thu hút, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại địa phương phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương và quy định của cơ quan nhà nước cấp trên”*.

Theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung), khoản 4 Điều 27 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định *“Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương”*; khoản 1 Điều 111 quy định *“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp căn cứ văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, tự mình hoặc theo đề xuất của cơ quan, tổ chức, đại biểu Hội đồng nhân dân, có trách nhiệm đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh”.*

Căn cứ khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước quy định thẩm quyền của HĐND tỉnh *“Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ…”*.

Căn cứ Thông báo số 361/TB-VPCP ngày 31/8/2023 của Văn phòng Chính phủ về việc Thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị tổng kết năm học 2022 – 2023 và triển khai nhiệm vụ năm học 2023 – 2024 của ngành Giáo dục; tại điểm b, khoản 2 của văn bản về nhiệm vụ trong thời gian tới Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo*: “Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các địa phương theo thẩm quyền có giải pháp tài chính hỗ trợ giáo viên vùng sâu, vùng xa, giáo viên mầm non.....”*

Căn cứ Thông báo số 207-TB/VPTU ngày 13/6/2023 của Tỉnh ủy về việc Thông báo Kết luận của Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc Ban cán sự đảng Ủy nhân dân tỉnh và các địa phương về tình trạng thiếu giáo viên trên địa bàn tỉnh; tại mục 3 đã giao trách nhiệm Ban Cán sự UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua chính sách hỗ trợ, đãi ngộ đội ngũ giáo viên để thu hút mới và giữ chân đội ngũ giáo viên đang công tác tại các cơ sở giáo dục.

**2. Sự cần thiết**

Trong thời gian qua, công tác về đội ngũ giáo viên đã được quan tâm sâu sát; trong đó, UBND tỉnh đã phân cấp công tác tuyển dụng về cho các cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện[[1]](#footnote-1); Sở Giáo dục và Đào tạo đã cung cấp[[2]](#footnote-2) đầu mối các trường đại học đào tạo giáo viên đến các địa phương, các cơ sở giáo dục để liên hệ, tiếp cận cung cấp thông tin về nhu cầu tuyển dụng đến các trường đại học và giúp giáo sinh biết, tham gia các đợt tuyển dụng. Qua đó, các địa phương, các nhà trường từ thụ động ngồi chờ giáo viên đến liên hệ tuyển dụng đã chuyển sang chủ động tìm nguồn giáo viên, nguồn nhân lực tại các trường đại học, các cơ sở đào tạo giáo viên. Ngoài ra, thông tin về các đợt tuyển dụng cũng đã được các địa phương, các cơ sở giáo dục công khai bằng nhiều hình thức theo đúng quy định nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho giáo sinh nắm được công tác tuyển dụng cũng như nhu cầu giáo viên ở mỗi địa phương, mỗi cơ sở giáo dục.

Mặc dù đã tích cực trong công tác tuyển dụng, tuy nhiên tình trạng thiếu giáo viên trên địa bàn hiện vẫn đang tiếp diễn. Cụ thể, so với biên chế được giao, các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập còn thiếu 1.773 giáo viên (mầm non thiếu 507 người, tiểu học thiếu 675 người, trung học cơ sở thiếu 390 người và trung học phổ thông thiếu 201 người). Trong giai đọan 2020-2023, tổng số giáo viên nghỉ việc ở các cấp học trên địa bàn tỉnh là 1.178 người (mầm non: 494 người, tiểu học: 322 người, trung học cơ sở: 278 người, trung học phổ thông: 84 người).

Vấn đề đội ngũ giáo viên các cấp trên địa bàn tỉnh tuy đã đã được quan tâm, tuy nhiên, so với quy định và thực tế tuyển dụng thì thực trạng đội ngũ giáo viên các cấp trên địa bàn tỉnh vẫn còn những hạn chế, cụ thể:

a) Đối với giáo viên mầm non

Công việc giáo viên mầm non nhiều, thời gian làm việc từ 9 - 10 giờ/ngày, phải thực hiện 3 chức năng: chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, vừa phải làm đồ dùng dạy học, hoạt động phong trào,… . Tuy nhiên mức lương chưa thật sự thỏa đáng. Đây là lý do cơ bản chưa thu hút sinh viên tham gia vào ngành; nhiều giáo viên tốt nghiệp ra trường đã tìm việc làm khác, ngành học mầm non là ngành học có số giáo viên nghỉ việc ngày càng nhiều (giai đoạn 2020-2023 có 494 giáo viên nghỉ việc, tỷ lệ 42% trên tổng số giáo viên nghỉ việc).

Trong thời gian qua, tình hình tuyển dụng giáo viên mầm non còn hạn chế, tỷ lệ dự tuyển so với số đăng tuyển ở mầm non là rất thấp, chỉ khoảng 23-26%. Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Năm học  |  MẦM NON  |
|  Số lượng  |  Tình hình tuyển dụng  |  Các tỷ lệ  |
|  Biên chế GV được giao  |  Hiện trạng giáo viên  |  Giáo viên thiếu  |  Nhu cầu tuyển dụng  |  Số́ lượng hồ sơ nộp  |  Số lượng trúng tuyển  |  Dự tuyển/nhu cầu tuyển dụng  |  Trúng tuyển/Nhu cầu  |
|
| 1 |  Năm học 2021-2022  |  5.301  | 4.927  |  374  | 374  | 99  | 91  | 26% | 24% |
| 2 |  Năm học 2022-2023  |  5.265  | 4.811  |  454  | 454  |  109  | 105  | 24% | 23% |
| 3 |  Năm học 2023-2024  |  5.226  | 4.718  |  507  | 507  |  118  | 95  | 23% | 19% |

b) Đối với giáo viên bộ môn, hiện khó tuyển dụng ở bộ môn: nhạc, họa, tin học, thể dục đối với tiểu học; bộ môn nhạc, họa, tin học đối với trung học cơ sở và nhạc, họa, tin học, giáo dục quốc phòng đối với Trung học phổ thông. Đây là các bộ môn thiếu dai dẳng trong thời gian dài, khó tuyển dụng. Cụ thể số liệu qua 3 năm học như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT |  Năm học  |  Các tỷ lệ  |
|  Dự tuyển/nhu cầu tuyển dụng |  Trúng tuyển/Nhu cầu tuyển dụng |
| Nhạc | Họa | Tin học | Thể dục | GDQP | Nhạc | Họa | Tin học | Thể dục | GDQP |
| I |  Tiểu học  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1 |  Năm học 2021-2022  | 25% | 23% | 15% | 25% |   | 22% | 18% | 10% | 22% | 25% |
| 2 |  Năm học 2022-2023  | 4% | 8% | 8% | 9% |   | 2% | 8% | 6% | 9% | 4% |
| 3 |  Năm học 2023-2024  | 1% | 2% | 11% | 10% |   | 0% | 2% | 8% | 10% | 1% |
| I |  Trung học cơ sở  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1 |  Năm học 2021-2022  | 33% | 6% | 33% | 62% |   | 44% | 6% | 58% | 69% | 33% |
| 2 |  Năm học 2022-2023  | 5% | 6% | 18% | 62% |   | 16% | 6% | 18% | 77% | 5% |
| 3 |  Năm học 2023-2024  | 5% | 0% | 11% | 57% |   | 8% | 0% | 11% | 57% | 5% |
| III |  Trung học Phổ thông  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1 |  Năm học 2021-2022  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2 |  Năm học 2022-2023  | 0% | 25% | 27% | 27% | 45% | 0% | 17% | 9% | 27% | 27% |
| 3 |  Năm học 2023-2024  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

c) Hiện nay, công tác tuyển dụng đã phân cấp về cho các cơ sở giáo dục nhưng trên địa bàn tỉnh còn một số địa bàn xã ở khu vực miền núi, khu vực cách xa trung tâm huyện, thành phố nên việc tuyển dụng rất khó khăn, không thu hút được giáo sinh đăng ký tuyển dụng dẫn đến tình trạng thiếu giáo viên kéo dài qua nhiều năm.

Cụ thể số liệu giáo viên thiếu trên địa bàn các huyện và các địa bàn xã khó tuyển dụng qua 3 năm học như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Địa bàn | ĐVT | Số lượng giáo viên thiếu |
| Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 |
| 1 | Cẩm Mỹ |   |   |   |   |
|   | - Tổng số | Giáo viên | 42 | 63 | 91 |
|   | Trong đó:  |  |   |   |   |
|   | - Địa bàn khó tuyển dụng (02/13 đơn vị) | Giáo viên | 25 | 32 | 27 |
|   | - Tỷ lệ so với tổng số giáo viên thiếu trên địa bàn huyện |  | 60% | 51% | 30% |
| 2 | Trảng Bom |  |   |   |   |
|   | - Tổng số | Giáo viên | 133 | 195 | 259 |
|   | Trong đó:  |  |   |   |   |
|   | - Địa bàn khó tuyển dụng (03/17 đơn vị) | Giáo viên | 24 | 41 | 58 |
|   | - Tỷ lệ so với tổng số giáo viên thiếu trên địa bàn huyện |  | 18% | 21% | 22% |
| 3 | Vĩnh Cửu |  |   |   |   |
|   | - Tổng số | Giáo viên | 57 | 125 | 94 |
|   | Trong đó:  |  |   |   |   |
|   | - Địa bàn khó tuyển dụng (02/12 đơn vị) | Giáo viên | 14 | 22 | 27 |
|   | - Tỷ lệ so với tổng số giáo viên thiếu trên địa bàn huyện |  | 25% | 18% | 29% |
| 4 | Xuân Lộc |  |   |   |   |
|   | - Tổng số | Giáo viên | 135 | 71 | 116 |
|   | Trong đó:  |  |   |   |   |
|   | - Địa bàn khó tuyển dụng (02/15 đơn vị) | Giáo viên | 23 | 27 | 37 |
|   | - Tỷ lệ so với tổng số giáo viên thiếu trên địa bàn huyện |  | 17% | 38% | 32% |
| 5 | Thống Nhất |  |   |   |   |
|   | - Tổng số | Giáo viên | 165 | 150 | 170 |
|   | Trong đó:  |  |   |   |   |
|   | - Địa bàn khó tuyển dụng (02/10 đơn vị) | Giáo viên | 18 | 18 | 28 |
|   | - Tỷ lệ so với tổng số giáo viên thiếu trên địa bàn huyện |  | 11% | 12% | 16% |
| 6 | Định Quán |  |   |   |   |
|   | - Tổng số | Giáo viên | 64 | 95 | 157 |
|   | Trong đó:  |  |   |   |   |
|   | - Địa bàn khó tuyển dụng (05/14 đơn vị) | Giáo viên | 41 | 63 | 56 |
|   | - Tỷ lệ so với tổng số giáo viên thiếu trên địa bàn huyện |  | 64% | 66% | 36% |
| 7 | Long Khánh |  |   |   |   |
|   | - Tổng số | Giáo viên | 110 | 131 | 151 |
|   | Trong đó:  |  |   |   |   |
|   | - Địa bàn khó tuyển dụng (02/14 đơn vị) | Giáo viên | 31 | 30 | 40 |
|   | - Tỷ lệ so với tổng số giáo viên thiếu trên địa bàn huyện |  | 28% | 23% | 26% |
|  | ***Tổng cộng*** |  |  |  |  |
|  | ***- Tổng số*** | ***Giáo viên*** | ***706*** | ***830*** | ***1038*** |
|  | ***Trong đó:***  |  |  |  |  |
|  | ***- Địa bàn khó tuyển dụng (16 xã/95 xã)*** | ***Giáo viên*** | ***176*** | ***233*** | ***273*** |
|  | ***- Tỷ lệ***  |  | ***25%*** | ***28%*** | ***26%*** |

d) Trên địa bàn tỉnh có Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật với loại hình giáo dục đặc biệt, nuôi dạy trẻ câm, điếc, mù, thiểu năng trí tuệ với khả năng nhận thức hạn chế, giáo viên rất vất vả khi giảng dạy, nuôi dưỡng cần có chế độ hỗ trợ để động viên khuyến khích.

đ) Đội ngũ giảng viên của Trường Chính trị tỉnh, các trung tâm chính trị cấp huyện hiện chỉ được hưởng lương theo hệ số mà không được hưởng chế độ phụ cấp công vụ hay phụ cấp khối Đảng, đoàn thể như cán bộ, công chức các cơ quan Đảng, đoàn thể. Việc chưa có chế độ hỗ trợ đối với viên chức đang công tác tại Trường Chính trị tỉnh và Trung tâm Chính trị cấp huyện dẫn đến chưa tạo động lực để đội ngũ viên chức an tâm công tác, từ đó phần nào gây khó khăn trong công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ của Trường Chính trị tỉnh và Trung tâm Chính trị cấp huyện.

Hiện nay, tỉnh chưa có chế độ chính sách hỗ trợ riêng cho giáo viên các cơ sở giáo dục công lập. Trong khi Đồng Nai là tỉnh công nghiệp, nhu cầu nguồn nhân lực lớn, dễ có tình trạng chuyển dịch nguồn lao động từ nơi lương thấp sang khu vực có lương cao hơn, đảm bảo cuộc sống tốt hơn, trong đó có đội ngũ giáo viên ở các cấp học. Thêm vào đó, tình hình tuyển dụng giáo viên khó khăn thể hiện qua tình trạng biên chế giáo viên còn nhưng tuyển dụng lại khó khăn dẫn đến tình trạng thiếu giáo viên trên địa bàn tỉnh kéo dài trong thời gian qua ở một số bộ môn ở ngành học phổ thông và giáo viên ở ngành học mầm non.

Mặt khác, trong thời gian tới sẽ tiếp tục phổ cập giáo dục mẫu giáo 3-4 tuổi, đẩy mạnh thực hiện tổ chức dạy học 2 buổi/ngày ở tiểu học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Do đó nhu cầu đảm bảo đội ngũ giáo viên càng cần phải giải quyết triệt để, kịp thời.

Vì vậy, việc xây dựng chính sách hỗ trợ đối với giáo viên tại các cơ sở giáo dục công lập và giảng viên Trường Chính trị tỉnh, Trung tâm Chính trị cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm năm 2025 là cần thiết, giúp hỗ trợ nhằm giữ chân giáo viên để hạn chế tình trạng giáo viên nghỉ việc, chuyển việc cũng như tạo chuyển biến trong việc tuyển dụng giáo viên tốt hơn, hiệu quả hơn.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích**

- Hình thành khung pháp lý cần thiết để thực hiện chuyển biến tích cực trong công tác tuyển dụng giáo viên, hỗ trợ giữ chân giáo viên, từng bước hạn chế tình trạng giáo viên nghỉ việc, chuyển việc ra khỏi ngành.

- Góp phần sử dụng hiệu quả biên chế hàng năm được giao cho ngành giáo dục, tạo động lực cho con em địa phương đi học sư phạm cũng như thu hút nguồn nhân lực ngành giáo dục ở các địa phương khác về tỉnh công tác nhằm khắc phục cơ bản tình trạng thiếu giáo viên mầm non, giáo viên ở một số bộ môn phổ thông khó tuyển dụng và từng bước hạn chế việc giáo viên bỏ việc ở các cơ sở giáo dục công lập trong thời gian qua.

- Thể hiện sự quan tâm, đột phá của tỉnh đối với ngành giáo dục, nhất là công tác đảm bảo đội ngũ giáo viên cho các cơ sở giáo dục trong tình hình hầu hết các địa phương đều thiếu đội ngũ giáo viên như hiện nay. Nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, đoàn thể và địa phương trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ giáo viên khi được tuyển dụng vào các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

**2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

Bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Việc xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp, đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng ngân sách địa phương.

Việc xây dựng chính sách phải bám sát các chủ trương của Đảng và phải phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Đồng Nai.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN/DỰ THẢO VĂN BẢN**

- Thường trực Hội đồng nhân dân đã chấp thuận đề nghị xây dựng thảo Nghị quyết tại văn bản số 49/HĐND-VP ngày 24/01/2024 về việc phúc đáp đề nghị xây dựng thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với giáo viên tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

- Sở Giáo dục và Đạo tạo đã phối hợp với các sở ngành, các địa phương tổ chức xây dựng dự thảo Nghị quyết. Dự thảo Nghị quyết đã được lấy ý kiến của các sở ngành, các địa phương và các tổ chức có liên quan theo quy định

- Dự thảo thảo Nghị quyết đã được đăng cổng thông tin điện tử để lấy ý kiến nhân dân theo quy định;

- Dự thảo thảo Nghị quyết đã được Mặt trận Tổ quốc thực hiện phản biện xã hội.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã gửi văn bản xin ý kiến các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

- Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định sự phù hợp và sự cần thiết ban hành.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Bố cục**

Dự thảo Nghị quyết gồm 2 phần: Phần căn cứ và phần quyết nghị

- Phần căn cứ gồm 07 nội dung

- Phần quyết nghị gồm 02 Điều

**2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản**

**Điều 1.**Thông qua quy định chính sách hỗ trợ đối với giáo viên tại các cơ sở giáo dục công lập; giảng viên tại Trường Chính trị tỉnh và các Trung tâm Chính trị cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025.

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với giáo viên tại các cơ sở giáo dục công lập; giảng viên tại Trường Chính trị tỉnh và các Trung tâm Chính trị cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025.

2. Đối tượng áp dụng

a) Giáo viên mầm non ở các cơ sở giáo dục công lập.

b) Giáo viên tại Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật.

c) Giáo viên phổ thông công lập ở các bộ môn gồm: nhạc, họa, tin học, thể dục ở tiểu học; nhạc, họa, tin học ở trung học cơ sở và nhạc, họa, tin học, giáo dục quốc phòng ở trung học phổ thông.

d) Giáo viên ở các cơ sở giáo dục công lập tại các địa bàn khó tuyển dụng gồm các xã: Sông Nhạn, Thừa Đức - huyện Cẩm Mỹ; Cây Gáo, Sông Thao, Bàu Hàm - huyện Trảng Bom; Mã Đà, Phú Lý - huyện Vĩnh Cửu; Xuân Phú, Lang Minh - huyện Xuân Lộc; Lộ 25, Xuân Thiện - huyện Thống Nhất; Phú Túc, Túc Trưng, Thanh Sơn, Suối Nho, Phú Cường - huyện Định Quán; Bảo Quang, Bình Lộc – thành phố Long Khánh.

đ) Giảng viên thuộc biên chế và giảng dạy tại Trường Chính trị tỉnh, các Trung tâm chính trị cấp huyện.

3. Điều kiện hỗ trợ, nguyên tắc hỗ trợ

a) Đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

b) Chỉ được nhận một chính sách hỗ trợ cao nhất trong trường hợp cùng lúc được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ. Chính sách hỗ trợ không tính để đóng bảo hiểm xã hội và tính hưởng các phụ cấp khác.

c) Viên chức đã được tuyển dụng vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập (bao gồm cả viên chức đang trong thời gian tập sự).

d) Đối tượng được hỗ trợ không thuộc các trường hợp sau: Nghỉ việc không đúng quy định; đang thi hành quyết định kỷ luật từ khiển trách trở lên; đang nghỉ việc không hưởng lương; đang bị tạm giữ, tạm giam, đang bị tạm đình chỉ công tác từ 01 (một) tháng trở lên.

4. Mức hỗ trợ

a) Giáo viên mầm non ở các cơ sở giáo dục công lập; Giáo viên công tác tại Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật: 2.000.000 đồng/người/tháng.

b) Giáo viên phổ thông công lập ở các bộ môn khó tuyển dụng; Giáo viên ở các cơ sở giáo dục công lập tại các địa bàn khó tuyển dụng: 1.500.000 đồng/người/tháng; trường hợp giáo viên phổ thông công lập ở các bộ môn khó tuyển dụng và thuộc địa bàn khó tuyển dụng: 2.000.000 đồng/người/tháng.

c) Giảng viên được tuyển dụng và giảng dạy tại Trường Chính trị tỉnh, các Trung tâm chính trị cấp huyện: 1.000.000 đồng/người/tháng.

5. Thời gian hỗ trợ: 09 tháng/năm.

6. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh theo phân cấp ngân sách hiện hành.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động các tổ chức, Nhân dân cùng giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Trên đây là nội dung Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với giáo viên tại các cơ sở giáo dục công lập và giảng viên Trường Chính trị tỉnh, Trung tâm Chính trị cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm năm 2025. Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

*\* Đính kèm:*

*1. Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với giáo viên tại các cơ sở giáo dục công lập; giảng viên tại Trường Chính trị tỉnh và các Trung tâm Chính trị cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025.*

*2.* *Thuyết minh* *Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với giáo viên tại các cơ sở giáo dục công lập; giảng viên tại Trường Chính trị tỉnh và các Trung tâm Chính trị cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025.*

*3. Các biểu tổng hợp số liệu gửi kèm./.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Q. Chủ tịch, Phó CT.UBND tỉnh (KGVX);- Các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính;- Chánh, Phó CVP UBND tỉnh (KGVX);- Lưu: VT, KGVX. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH** |

1. Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh về việc Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai [↑](#footnote-ref-1)
2. Văn bản số 3164/SGDĐT-TCCB ngày 18/8/2022 Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hỗ trợ tạo liên kết với các trường đại học giới thiệu nguồn tuyển dụng giáo viên [↑](#footnote-ref-2)